

# TRÌNH ĐỘ NGÔN NGỮ

## Chương trình giảng dạy bằng tiếng Trung ●

Tiếng Trung  
CEFR A2 (Trình độ cơ bản) hoặc cao hơn  
◆TOCFL: Cấp độ A2  
◆HSK: Cấp độ 4

## Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh ● ◎

Tiếng Anh  
CEFR B2 (Trình độ trung cao cấp) hoặc cao hơn  
◆TOEFL iBT: 73  
◆TOEFL ITP: 500  
◆TOEIC: 750  
◆IELTS: 5.5  
◆Điểm số yêu cầu cần dùng để chứng minh trình độ tiếng Anh của mỗi khoa phụ thuộc vào quy định được công bố bởi từng khoa

## THỜI GIAN ĐĂNG KÝ

| Thời gian nhập học | Học vị   | Thời gian đăng ký        | Thời gian học kỳ              |
|--------------------|--|--------------------------|-------------------------------|
| Kỳ mùa thu         | Tất cả các học vị                                | 20 tháng 12 - 15 tháng 3 | Đầu tháng 9 đến cuối tháng 12 |
| Kỳ mùa xuân        | Chỉ dành cho các Chương trình Thạc sĩ và Tiến sĩ | 10 tháng 8 - 30 tháng 9  | Giữa tháng 2 đến giữa tháng 6 |

## HỌC PHÍ

| Cử nhân  | Tổng học phí và tạp phí mỗi kỳ   | mỗi học kỳ |
|--|--|------------|
| TWD 49.540 - TWD 60.220 (USD 1,651 - USD 2.007)  |  |            |
| TWD 210.480 - TWD 230.280* (USD 7.016 - USD 7.676)* *Trường Cao đẳng Nha khoa và Y học |  |            |
| Sau đại học  | Tổng học phí và tạp phí (bao gồm phí tín chỉ cơ bản)   |            |
| Thạc sĩ  | TWD 40.270 - TWD 72.460 (USD 1.342 - USD 2.415)  |            |
| Tiến sĩ  | TWD 34.095 - TWD 72.460 (USD 1.137 - USD 2.415)  |            |
| GMBA   | 1. Học phí cơ bản và tạp phí mỗi học kỳ TWD 25,960 (USD 865)<br>2. Phí tín chỉ cơ bản mỗi học kỳ TWD 5,000 (USD 167) |            |

\* USD 1 ≈ TWD 30. Danh sách này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

## HỌC BỔNG

### Học bổng Đại học

#### 1. Học bổng dành cho Sinh viên Quốc tế

| Các mục / Học vị                      | Cử nhân   | Thạc sĩ                      | Tiến sĩ                        |
|---------------------------------------|---|------------------------------|--------------------------------|
| Thời gian cấp tối đa                  | 4 năm   | 2 năm                        | 5 năm                          |
| ◆Trợ cấp hàng tháng từ trường đại học | Lên đến TWD 21.000 (USD 700)                                | Lên đến TWD 25.000 (USD 833) | Lên đến TWD 30.000 (USD 1,000) |
| ◆Học phí                              | Miễn / Áp dụng mức học phí tương đương sinh viên trong nước |                              |                                |

#### 2. Học bổng Elite Ph.D.

Trợ cấp hàng tháng TWD 33.000 (USD 1,100) và miễn học phí trong 2 năm

#### 3. Học bổng

Cung cấp học bổng tương đương với học phí 2 năm đầu cho nghiên cứu sinh Tiến sĩ

#### Học bổng ngoài trường

1. Học bổng Đài Loan (MOFA/ MOE): Tất cả các học vị
2. Học bổng Đài Loan MOE Elite: Dành cho giảng viên từ các nước Nam Á / Đông Nam Á / châu Phi.
3. Học bổng Đài Loan ICDF: Dành cho sinh viên trong chương trình IHP và EECS.
4. Học bổng TSMC Elite: Dành cho nghiên cứu sinh Thạc sĩ thuộc các chuyên ngành GMBA và Bán dẫn.
5. NSTC-GRF: Dành cho nghiên cứu sinh Tiến sĩ trong tất cả các lĩnh vực.
6. TIGP: Dành cho nghiên cứu sinh Tiến sĩ đối với một số chương trình giới hạn (nộp đơn thông qua Viện Hàn lâm Đài Loan).



NATIONAL  
YANG MING CHIAO TUNG  
UNIVERSITY

VĂN PHÒNG QUỐC TẾ ĐẠI HỌC QUỐC LẬP DƯƠNG MINH GIAO THÔNG  
Bộ phận Đào tạo Nhân tài Quốc tế  
Email: admission@nycu.edu.tw  
Cơ sở CT: No.1001, Daxue Road, East Dist., Hsinchu  
Cơ sở YM: No.155, Sec.2, Linong Street, Beitou Dist., Taipei



國立陽明交通大學  
NATIONAL YANG MING CHIAO TUNG UNIVERSITY



#1 tại Đài Loan

Bảng xếp hạng các đại học trẻ tốt nhất thế giới năm 2024

#42

Bảng xếp hạng đại học châu Á QS năm 2025

#219 (#4 tại Đài Loan)

Bảng xếp hạng đại học thế giới QS năm 2025

# CÁC HỌC VIỆN VÀ NGÀNH HỌC

## Phương tiện giảng dạy:

- Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh
- Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh (Đủ số lượng môn bằng tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu tốt nghiệp)
- Chương trình giảng dạy bằng tiếng Trung

## Vị trí khuôn viên trường:

- Dài Bắc: Cơ sở Yangming / Beimen
- Tân Trúc: Cơ sở Guangfu / Liu{jia / Boai
- Dài Nam: Cơ sở Gueiren

## Ghi chú:

★ Chỉ tuyển sinh kỳ mùa thu

\*UST: Hệ thống Đại học Đài Loan

## Trí tuệ Nhân tạo △

- Trí tuệ Nhân tạo
- Các hệ thống Thông minh
- Công nghiệp Thông minh và Năng lượng Xanh
- Tính toán Thông minh

## Khoa học và Kỹ thuật Y sinh ◆

- Kỹ thuật Y sinh
- Khoa học Hình ảnh Y học và Khoa Chẩn đoán Hình ảnh
- Vật lý Trị liệu và Công nghệ Hỗ trợ
- Quang Sinh học
- Công nghệ Sinh học và Khoa học thí nghiệm trong Y khoa
- Quang tử học \*(UST)

## Khoa học Máy tính ▲

- Khoa học Máy tính

## Nha khoa ◆

- Nha khoa
- Sinh học miệng
- Kỹ thuật Mô miệng và Vật liệu Sinh học

## Kỹ thuật Điện và Máy tính ▲

- Chương trình kỹ thuật điện và khoa học máy tính dành cho sinh viên quốc tế
- Quang tử học \*(UST)
- Kỹ thuật Điện và Điện tử
- Quang tử học
- Kỹ thuật Ví mạch

## Kỹ thuật ▲

- Kỹ thuật Cơ khí
- Kỹ thuật Xây dựng
- Khoa học và Kỹ thuật vật liệu
- Kỹ thuật Môi trường
- Khoa học và Công nghệ Môi trường \*(UST)

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Kỹ thuật Khoa học Sinh học ▲         |
|---------|---------|---------|--------------------------------------|
| ●★      | ●       | ●       | Khoa học và Công nghệ Sinh học       |
| ○       | ○       | ○       | Tin sinh học và Sinh học Hệ thống    |
| ○       | ○       | ○       | Y học Phân tử và Kỹ thuật Sinh học   |
| ○       | ○       | ○       | Khoa học Thần kinh Liên ngành *(UST) |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Nghiên cứu Hakka ▲          |
|---------|---------|---------|-----------------------------|
| ●★      | ●       | ●★      | Nghiên cứu Hakka            |
| ●       | ●       | ●       | Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| ●       | ●       | ●       | Dân tộc và Văn hóa          |
| ●★      | ●       | ●       | Giao tiếp và Công nghệ      |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Nhân văn, Nghệ thuật và Khoa học Xã hội                   |
|---------|---------|---------|---|
| ●       | ●       | ●       | Khoa học, Công nghệ và Xã hội ◆                           |
| ○       | ○       | ○       | Triết học về Tâm trí và Nhận thức ◆                       |
| ●       | ●       | ●       | Nghiên cứu Hình ảnh ◆                                     |
| ●★      | ●○      | ●○      | Ngôn ngữ và Văn học Nước ngoài ▲                          |
| ●       | ●       | ●       | Nghiên cứu Truyền thông ▲                                 |
| ●★      | ●       | ●       | Nghệ thuật Ứng dụng ▲                                     |
| ●       | ●       | ●       | Âm nhạc ▲   |
| ●       | ●       | ●       | Giáo dục ▲  |
| ○       | ○       | ○       | Giảng dạy Tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác (TESOL) ▲ |
| ○       | ○       | ○       | Nghiên cứu Xã hội và Văn hóa ▲                            |
| ○       | ○       | ○       | Nghiên cứu Văn hóa Liên Á *(UST) ▲                        |
| ●★      | ●       | ●       | Kiến trúc ▲   |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Học viện Đổi mới giữa Công nghiệp và Học thuật ▲ |
|---------|---------|---------|--|
| ○       | ○       | ○       | Tiên phong Bán dẫn                               |
| ○       | ○       | ○       | Đổi mới Trí tuệ Nhân tạo                         |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Luật ▲         |
|---------|---------|---------|----------------|
| ○       | ○       | ○       | Luật Công nghệ |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Giáo dục Đại cương ▲       |
|---------|---------|---------|----------------------------|
| ●★      | ●       | ●       | Chương trình Danh dự Arete |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Khoa học Sư sống ◆  |
|---------|---------|---------|---|
| ●★      | ●○      | ●○      | Khoa học Sư sống và Viện Khoa học Gen                     |
| ○       | ○       | ○       | Vi sinh vật học và Miễn dịch học                          |
| ○       | ○       | ○       | Hóa sinh và Sinh học phân tử                              |
| ○       | ○       | ○       | Khoa học Thần kinh  |
| ○       | ○       | ○       | Chương trình Thạc sĩ Liên ngành về Y học Phân tử (imp-mm) |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Quản lý                            |
|---------|---------|---------|------------------------------------|
| ●★      | ●○      | ●○      | MBA Toàn cầu ▲                     |
| ●★      | ●○      | ●○      | Khoa học Quản lý ▲                 |
| ●★      | ●○      | ●○      | Kỹ thuật Công nghiệp và Quản lý ▲  |
| ●       | ●       | ●       | Quản lý Thông tin ▲                |
| ●★      | ●○      | ●○      | Quản lý Giao thông và Logistics ▲◆ |
| ○       | ○       | ○       | Kinh doanh và Quản lý ◆            |
| ●       | ●       | ●       | Tài chính ▲                        |
| ○       | ○       | ○       | Quản lý Công nghệ ▲                |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Y khoa ◆                                |
|---------|---------|---------|---|
| ●★      | ●       | ●       | Học viện Y khoa                         |
| ○★      | ○●      | ○●      | Chương trình Sức khỏe Quốc tế (IHP)     |
| ○       | ○       | ○       | Dược lý học                             |
| ○       | ○       | ○       | Giải phẫu và Sinh học Tế bào            |
| ○       | ○       | ○       | Y học Cổ truyền                         |
| ●       | ●       | ●       | Tin Y sinh                              |
| ●       | ●       | ●       | Y học Cấp cứu và Chăm sóc Đặc biệt      |
| ●       | ●       | ●       | Khoa học Não bộ                         |
| ●       | ●       | ●       | Khoa học và Công nghệ Môi trường *(UST) |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Điều dưỡng ◆ |
|---------|---------|---------|--------------|
| ○★      | ○★      | ○★      | Điều dưỡng   |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Khoa học Dược ◆        |
|---------|---------|---------|------------------------|
| ●★      | ●       | ●       | Dược                   |
| ○       | ○       | ○       | Khoa học Dược sinh học |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Quang tử học ▲                    |
|---------|---------|---------|-----------------------------------|
| ○       | ○       | ○       | Quang tử học                      |
| ●       | ●       | ●       | Hệ thống Quang tử                 |
| ●       | ●       | ●       | Quang tử Chiếu sáng và Năng lượng |
| ●       | ●       | ●       | Quang tử Hình ảnh và Y sinh       |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Khoa học ▲                             |
|---------|---------|---------|--|
| ○★      | ○●      | ○●      | Điện vật lý                            |
| ●★      | ●●      | ●●      | Toán Ứng dụng                          |
| ●       | ●       | ●       | Mô hình Toán học và Tính toán Khoa học |
| ○       | ○       | ○       | Hóa học Ứng dụng                       |
| ○       | ○       | ○       | Khoa học Phân tử                       |
| ○       | ○       | ○       | Thống kê                               |
| ○       | ○       | ○       | Vật lý                                 |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Công nghệ Bán dẫn ▲ |
|---------|---------|---------|---------------------|
| ●○      | ●○      | ●○      | Công nghệ Bán dẫn   |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Chương trình INTENSE |
|---------|---------|---------|----------------------|
| ●       | ●       | ●       | Công nghệ Bán dẫn ▲  |

| Cử nhân | Thạc sĩ | Tiến sĩ | Công nghệ Bán dẫn ▲   |
|---------|---------|---------|---|
| ●       | ●       | ●       | Chương trình Đặc biệt Đào tạo Nhân tài Quốc tế về Công nghệ Bán dẫn |
| ●       | ●       | ●       | Chương trình Sau Đại học Quốc tế của Học viện Khoa học Máy tính     |

\* Chương trình INTENSE tích hợp nguồn lực từ chính phủ, ngành công nghiệp và nhà trường nhằm thu hút nhân tài chất lượng cao đến Đài Loan.

| Cử |
| --- |